



**PHIẾU AN TOÀN DỮ LIỆU  
CHOCKFAST RED SG RESIN**

**PHẦN 1: Nhận dạng chất/ hỗn hợp chất và công ty/doanh nghiệp**

**Nhận dạng sản phẩm**

Tên sản phẩm CHOCKFAST RED SG RESIN

Số hiệu sản phẩm Y0007

**Mục đích sử dụng của chất hoặc hỗn hợp có liên quan được xác định và mục đích sử dụng được khuyến cáo không nên**

Mục đích sử dụng đã được xác định Nhựa. Pourable Casting Compound When Mixed With Hardener And Aggregate

**Chi tiết về nhà cung cấp phiếu an toàn dữ liệu**

**Nhà cung cấp**

ITW Performance Polymers  
Bay 150  
Shannon Industrial Estate  
Co. Clare  
Ireland  
V14 DF82  
353(61)771500  
353(61)471285  
mail@itwpp.com

**Số điện thoại khẩn cấp**

Số điện thoại khẩn cấp +44(0)1235 239 670 (24h)

**PHẦN 2: Nhận dạng nguy hại**

**Phân loại chất hoặc hỗn hợp**

Nguy hại vật chất Không xếp loại

Nguy hại về sức khỏe Kích ứng da loại 2 - H315 Tổn thương mắt loại 1 - H318 Mẫn cảm da loại 1 - H317

Nguy hại về môi trường Mẫn tính thủy sinh loại 2 - H411

**Sức khỏe con người**

Sản phẩm chứa nhựa epoxy. Có thể gây mẫn cảm hoặc phản ứng dị ứng ở những người mẫn cảm.

**Thành phần nhân**

**Hình đồ**



Từ cảnh báo

Nguy hiểm

## CHOCKFAST RED SG RESIN

<b>Câu cảnh báo nguy cơ</b>	H315 Gây kích ứng da. H317 Có thể gây ra phản ứng dị ứng với da. H318 Gây tổn thương mắt nghiêm trọng. H411 Độc hại cho đời sống thủy sinh với ảnh hưởng lâu dài.
<b>Câu phòng ngừa</b>	P273 Tránh thải ra môi trường. P280 Đeo găng tay/ quần áo/ kính/ mặt nạ bảo hộ. P302+P352 <b>NẾU DÍNH VÀO DA:</b> Rửa sạch với nhiều nước. P305+P351+P338 <b>NẾU DÍNH VÀO MẮT:</b> Rửa cẩn thận với nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng, nếu có và dễ tháo. Tiếp tục rửa. P310 Gọi <b>TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC/</b> bác sĩ ngay lập tức. P501 Thải bỏ hóa chất/ bình chứa theo quy định quốc gia.
<b>Thông tin nhãn bổ sung</b>	EUH205 Chứa thành phần epoxy. Có thể gây ra phản ứng dị ứng.
<b>Bao gồm</b>	EPOXY RESIN (Number average MW <= 700 ), 1,4-BIS[(2,3-EPOXYPROPOXY)METHYL]CYCLOHEXANE, GAMMA-BUTYROLACTONE

### Các nguy hại khác

Sản phẩm này không chứa bất kỳ chất nào được phân loại PBT (bền vững, dễ tích tụ sinh học và độc hại) hoặc vPvB (rất bền vững, rất dễ tích tụ sinh học).

### **PHẦN 3: Thành phần/thông tin về thành phần**

#### **Hỗn hợp**

<b>EPOXY RESIN (Number average MW &lt;= 700 )</b>	<b>60-100%</b>
Số CAS: 25068-38-6	
<b>Phân loại</b>	
Kích ứng da loại 2 - H315	
Kích ứng mắt loại 2A - H319	
Mẫn cảm da loại 1 - H317	
Mẫn tính thủy sinh loại 2 - H411	
<b>1,4-BIS[(2,3-EPOXYPROPOXY)METHYL]CYCLOHEXANE</b>	<b>10-30%</b>
Số CAS: 14228-73-0	
<b>Phân loại</b>	
Mẫn cảm da loại 1 - H317	
<b>GAMMA-BUTYROLACTONE</b>	<b>5-10%</b>
Số CAS: 96-48-0	
<b>Phân loại</b>	
Độc tính cấp tính loại 4 - H302	
Tổn thương mắt loại 1 - H318	
Độc tính cơ quan mục tiêu cụ thể - phơi nhiễm đơn loại 3 - H336	

Văn bản đầy đủ của tất cả các câu cảnh báo nguy hại được hiển thị ở Phần 16.

### **PHẦN 4: Biện pháp sơ cứu**

#### **Mô tả các biện pháp sơ cứu**

## CHOCKFAST RED SG RESIN

<b>Thông tin chung</b>	Tránh tiếp xúc với da và mắt. Show this safety data sheet to the doctor in attendance
<b>Sự hít phải</b>	Đưa người bị ảnh hưởng đến nơi thoáng khí ngay lập tức. Tìm hỗ trợ y tế nếu sự khó chịu vẫn tiếp tục.
<b>Sự ăn phải</b>	Rửa sạch miệng với nước. Không cố nôn ra. Nếu bị nôn mửa, đầu phải được giữ thấp để chất nôn không chảy vào phổi. Tìm hỗ trợ y tế.
<b>Tiếp xúc với da</b>	Đưa người bị ảnh hưởng ra khỏi nguồn gây nhiễm. Rửa sạch da với xà phòng và nước. Tìm hỗ trợ y tế nếu vẫn kích ứng sau khi rửa.
<b>Tiếp xúc với mắt</b>	Tháo kính áp tròng nếu có và mở to mắt. Tiếp tục rửa trong ít nhất 15 phút và tìm hỗ trợ y tế. Tìm hỗ trợ y tế nếu vẫn kích ứng sau khi rửa.

### Các triệu chứng và ảnh hưởng quan trọng nhất, cả cấp tính và mãn tính

<b>Thông tin chung</b>	Mức độ nghiêm trọng của các triệu chứng được mô tả sẽ khác nhau tùy thuộc vào nồng độ và thời gian tiếp xúc.
------------------------	--

### Chỉ định chăm sóc y tế ngay lập tức và điều trị đặc biệt cần thiết

<b>Ghi chú cho bác sĩ</b>	Không có khuyến nghị cụ thể. Nếu có nghi ngờ, tìm hỗ trợ y tế ngay lập tức.
---------------------------	---

### **PHẦN 5: Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn**

#### Cách chữa cháy

<b>Cách chữa cháy phù hợp</b>	Dập lửa với bọt, cacbon dioxit hoặc bột khô.
-------------------------------	--

#### Những nguy hại đặc biệt phát sinh từ chất hoặc hỗn hợp

<b>Những nguy hại cụ thể</b>	Khí hoặc hơi gây kích ứng.
------------------------------	----------------------------

#### Lời khuyên cho nhân viên cứu hỏa

<b>Những hành động bảo hộ trong khi chữa cháy</b>	Tránh hít khí hoặc hơi cháy. Keep up-wind to avoid fumes. Không sử dụng bình xịt nước để dập lửa, vì việc này sẽ làm lan rộng đám cháy. Kiểm soát nước chảy bằng cách chứa và giữ không để chảy vào hệ thống cống rãnh và kênh rạch.
---	--

<b>Thiết bị bảo hộ đặc biệt cho lính cứu hỏa</b>	Đeo bình thở dưỡng khí oxy áp lực dương và mặc quần áo bảo hộ phù hợp.
--	--

### **PHẦN 6: Biện pháp xử lý tai nạn**

#### Các cảnh báo cá nhân, thiết bị bảo vệ và quy trình khẩn cấp

<b>Những cảnh báo cho cá nhân</b>	Tránh tiếp xúc với da và mắt. Mặc quần áo bảo hộ như được mô tả ở Phần 8 của phiếu dữ liệu an toàn này. Cung cấp hệ thống thông gió tốt.
-----------------------------------	--

#### Các cảnh báo về môi trường

<b>Những cảnh báo về môi trường</b>	Tránh tràn đổ hoặc chảy xuống ống thoát nước, cống rãnh hoặc kênh rạch. Tràn đổ và xả thải không kiểm soát vào nguồn nước phải được báo cáo ngay lập tức với Cục Môi trường hoặc cơ quan quản lý thích hợp khác.
-------------------------------------	--

#### Các phương pháp và chất liệu để ngăn chặn và làm sạch

<b>Các phương pháp lau dọn</b>	Hấp thụ tràn đổ bằng cát và các chất hấp thụ trơ khác. Transfer to covered steel drums for disposal. Các thùng chứa chất bị tràn đổ phải được ghi nhãn đúng quy cách với thành phần chính xác và ký hiệu nguy hại.
--------------------------------	--

#### Tham khảo cho các phần khác

<b>Tham khảo cho các phần khác</b>	Mặc quần áo bảo hộ như được mô tả ở Phần 8 của phiếu dữ liệu an toàn này.
------------------------------------	---

### **PHẦN 7: Xử lý và lưu giữ**

## CHOCKFAST RED SG RESIN

### Các cảnh báo cho việc an toàn sử dụng

- Những lưu ý khi sử dụng** Mặc quần áo bảo hộ như được mô tả ở Phần 8 của phiếu dữ liệu an toàn này. Chỉ sử dụng trong khu vực thông gió tốt. Không để gần nguồn nhiệt, tia lửa và ngọn lửa trần. Open drum carefully as content may be under pressure. Do not eat, drink or smoke when using the product. Thủ tục vệ sinh cá nhân nên được thực hiện tốt.
- Tư vấn thông tin chung về vệ sinh lao động** Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm này. Rửa ngay lập tức với xà phòng và nước nếu da vừa bị nhiễm hóa chất. Cởi bỏ ngay lập tức quần áo vừa bị nhiễm hóa chất.

### Các điều kiện an toàn lưu giữ, bao gồm cả những điều không nên

- Những cảnh báo về lưu giữ hóa chất** Lưu trữ trong thùng chứa gốc ban đầu, đóng kín, ở nơi khô ráo, thoáng mát và thông gió tốt. Không lưu trữ gần các chất liệu không tương thích (xem Phần 10).

### Mục đích sử dụng cụ thể cuối cùng

- (Những) mục đích sử dụng cụ thể cuối cùng** Các công dụng đã được xác định của sản phẩm này được trình bày trong Phần 1.

## PHẦN 8: Quản lý Phơi nhiễm/ bảo hộ cá nhân

### Quản lý phơi nhiễm

#### Thiết bị bảo hộ



- Kiểm soát kỹ thuật phù hợp** Cung cấp đầy đủ hệ thống thông gió chung và quạt hút thông gió khu vực. Sử dụng mặt nạ phòng độc đã qua kiểm duyệt nếu mức độ ô nhiễm không khí trên mức có thể chấp nhận được. Đảm bảo các thợ máy đã được đào tạo để hạn chế tối thiểu phơi nhiễm. Chỉ sử dụng thiết bị bảo hộ cá nhân nếu việc phơi nhiễm của công nhân không được kiểm soát đầy đủ bởi các biện pháp kiểm soát kỹ thuật.
- Bảo hộ mắt/mặt** Phải đeo kính theo tiêu chuẩn đã được phê duyệt nếu đánh giá rủi ro chỉ ra việc tiếp xúc với mắt có thể xảy ra. Đeo thiết bị bảo hộ sau: Kính chống hóa chất bắn tóe. Phải đeo thiết bị bảo hộ cá nhân cung cấp sự bảo vệ mắt và mặt phù hợp.
- Bảo hộ tay** Đeo găng tay bảo hộ làm từ chất liệu sau: Rubber or plastic. Để bảo vệ tay khỏi hóa chất, đeo găng tay đã được chứng minh là kháng hóa chất và chống ăn mòn. Các chất liệu găng tay có thời gian thẩm thấu khác nhau do các hãng sản xuất găng khác nhau. Khi sử dụng với hỗn hợp, thời gian bảo vệ của găng tay không thể được dự đoán chính xác. Găng tay được khuyến nghị làm từ chất liệu sau: Cao su butyl. Lá chất dẻo làm từ polyetylen và etylen vinyl alcohol (PE/EVOH). Neopren. Việc thay găng tay thường xuyên được khuyến nghị. Găng tay được lựa chọn phải có thời gian thẩm thấu ít nhất 6 giờ.
- Bảo hộ khác cho da và cơ thể** Đeo tạp dề hoặc quần áo bảo hộ trong trường hợp tiếp xúc.
- Các biện pháp về vệ sinh** Cung cấp nơi để rửa mắt và tắm. Tránh xa thực phẩm, đồ uống và đồ ăn cho động vật. Thủ tục vệ sinh cá nhân nên được thực hiện tốt. Rửa tay và các chỗ bị nhiễm hóa chất trên cơ thể với xà phòng và nước trước khi rời khỏi khu làm việc. Do not eat, drink or smoke when using the product. Thay quần áo làm việc hằng ngày trước khi rời nơi làm việc.
- Bảo hộ cho hô hấp** Nếu hệ thống thông gió kém, phải đeo thiết bị bảo hộ hô hấp phù hợp. Việc lựa chọn mặt nạ phải dựa trên mức độ phơi nhiễm, nguy hại của sản phẩm và giới hạn an toàn nơi làm việc của mặt nạ được chọn lựa. Đeo mặt nạ hợp với bộ lọc sau: Bộ lọc kết hợp, loại A2/P2. Đảm bảo rằng tất cả các thiết bị bảo hộ hô hấp phải phù hợp với mục đích sử dụng của nó.

## PHẦN 9: Đặc tính lý, hóa của hóa chất

### Thông tin về tính chất lý, hóa cơ bản của hóa chất

**CHOCKFAST RED SG RESIN**

<b>Hình dáng bên ngoài</b>	Chất lỏng nhớt.
<b>Màu sắc</b>	Không màu đến phớt vàng.
<b>Mùi đặc trưng</b>	Mùi nhẹ.
<b>Độ pH</b>	pH (dung dịch đậm đặc): 11.1 @ 20 °C
<b>Điểm nóng chảy</b>	<5, >-15°C
<b>Điểm sôi ban đầu và phạm vi sôi</b>	>200°C @
<b>Điểm chớp cháy</b>	> 93°C
<b>Tỷ trọng tương đối</b>	1.1 - 1.18 @ @ 20 °C°C
<b>Tính tan</b>	Ít tan trong nước.
<b>Nhiệt độ tự bốc cháy</b>	>300°C
<b>Thông tin khác</b>	Không có.

**PHẦN 10: Mức độ ổn định và khả năng hoạt động của hóa chất**

<b>Khả năng hoạt động của chất</b>	Axit. Amin. Chất oxy hóa mạnh.
<b>Mức độ ổn định của chất</b>	Bền ở nhiệt độ thường và được sử dụng như khuyến nghị.
<b>Khả năng gây ra phản ứng nguy hại</b>	Không có.
<b>Các tình trạng cần tránh</b>	Tránh nhiệt, ngọn lửa và các nguồn phát lửa khác. Tránh nhiệt độ quá cao trong khoảng thời gian kéo dài.
<b>Các vật liệu cần tránh</b>	Tránh tiếp xúc với các chất liệu sau: Axit mạnh. Kiềm - vô cơ. Kiềm - hữu cơ. Chất oxy hóa mạnh. Amin.
<b>Các sản phẩm cháy nguy hại</b>	Oxit của cacbon. Thermal decomposition or combustion may liberate carbon oxides and other toxic gases or vapours. Vapours/gases/fumes of: Axit - hữu cơ. Andehyt.

**PHẦN 11: Thông tin về độc tính****Thông tin về tác động của độc tính****Độc tính cấp tính- qua đường miệng**

Dự đoán độ độc cấp tính qua đường miệng (mg/kg) 8.000,0

<b>Tiếp xúc với da</b>	Gây kích ứng da. Có thể gây mẫn cảm khi tiếp xúc với da. Có thể gây mẫn cảm hoặc phản ứng dị ứng ở những người mẫn cảm.
<b>Tiếp xúc với mắt</b>	Gây kích ứng cho mắt.
<b>Nguy hại sức khỏe cấp tính và mẫn tính</b>	Sản phẩm chứa nhựa epoxy. Có thể gây mẫn cảm hoặc phản ứng dị ứng ở những người mẫn cảm.
<b>Đường vào cơ thể</b>	Qua đường thở Ingestion.

**PHẦN 12: Thông tin về sinh thái**

## CHOCKFAST RED SG RESIN

<b>Độc tính môi sinh</b>	Tránh phát thải ra môi trường. Sản phẩm này chứa một chất độc hại đối với sinh vật thủy sinh và có thể gây tác hại lâu dài cho môi trường thủy sinh.
<b>Độc tính</b>	Very toxic to aquatic organisms.
<b><u>Độ bền vững và độ phân hủy</u></b>	
<b>Độ bền và độ phân hủy</b>	Không có dữ liệu về tính phân hủy sinh học của sản phẩm này.
<b><u>Tiềm năng tích tụ sinh học</u></b>	
<b>Khả năng tích lũy sinh học</b>	Không có dữ liệu về độ tích tụ sinh học.
<b><u>Tính di động trong đất</u></b>	
<b>Tính di động</b>	Không xả thải vào ống thoát nước hoặc hệ thống nước hoặc trên mặt đất.
<b><u>Các tác động có hại khác</u></b>	
<b>Các tác động có hại khác</b>	Không có.

### PHẦN 13: Cân nhắc trong việc thải bỏ

#### Các biện pháp xử lý chất thải

<b>Thông tin chung</b>	Khi xử lý chất thải, các biện pháp phòng ngừa an toàn áp dụng trong xử lý sản phẩm phải được cân nhắc.
<b>Các phương pháp thải bỏ</b>	Thải bỏ chất thải ở khu xử lý chất thải có giấy phép theo yêu cầu của Cơ quan Xử lý Chất thải địa phương.
<b>Nhóm chất thải</b>	08 04 99

### PHẦN 14: Thông tin trong việc vận chuyển

#### Số UN

<b>Số UN (Đường bộ/Đường sắt)</b>	3082
<b>Số UN (IMDG)</b>	3082
<b>Số UN (ICAO)</b>	3082

#### Tên vận chuyển chuẩn UN

<b>Tên chuẩn dùng khi vận chuyển (Đường bộ/Đường sắt)</b>	ENVIRONMENTALLY HAZARDOUS SUBSTANCE, LIQUID, N.O.S. (EPOXY RESIN (Number average MW <= 700 ))
<b>Tên chuẩn dùng khi vận chuyển (IMDG)</b>	ENVIRONMENTALLY HAZARDOUS SUBSTANCE, LIQUID, N.O.S. (EPOXY RESIN (Number average MW <= 700 ))
<b>Tên chuẩn dùng khi vận chuyển (ICAO)</b>	ENVIRONMENTALLY HAZARDOUS SUBSTANCE, LIQUID, N.O.S. (EPOXY RESIN (Number average MW <= 700 ))

#### Vận chuyển các nhóm chất nguy hại

<b>Nhóm Đường bộ/Đường sắt</b>	9
<b>Nhãn Đường bộ/Đường sắt</b>	9
<b>Nhóm IMDG</b>	9
<b>Nhóm/ mục ICAO</b>	9

## CHOCKFAST RED SG RESIN

### Nhãn vận chuyển



### Nhóm đóng gói

Nhóm đóng gói Đường III  
bộ/Đường sắt

Nhóm đóng gói IMDG III

Nhóm đóng gói ICAO III

### Các nguy hại về môi trường

Chất gây nguy hại cho môi trường/ chất ô nhiễm thủy sinh



### Những lưu ý đặc biệt cho người sử dụng

EmS F-A, S-F

Số xác định nguy hại (Đường 90  
bộ/Đường sắt)

**PHẦN 15: Thông tin luật định**

**PHẦN 16: Thông tin khác**

Ngày sửa đổi 06/04/2018

Sửa đổi 10

Ngày thay thế 20/04/2015

**Câu cảnh báo nguy hại đầy đủ** H302 Gây hại nếu nuốt phải.  
H315 Gây kích ứng da.  
H317 Có thể gây ra phản ứng dị ứng với da.  
H318 Gây tổn thương mắt nghiêm trọng.  
H319 Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.  
H336 Có thể buồn ngủ hoặc chóng mặt.  
H411 Độc hại cho đời sống thủy sinh với ảnh hưởng lâu dài.

Thông tin này chỉ áp dụng cho chất liệu cụ thể được ghi rõ và có thể vô giá trị khi chất liệu này được sử dụng kết hợp với chất liệu khác hoặc trong quá trình khác. Thông tin này, dựa trên kiến thức tốt nhất và niềm tin của công ty, là chính xác và đáng tin cậy kể từ ngày được ghi. Tuy nhiên, không có bảo đảm hoặc tuyên bố chính thức nào về tính chính xác, độ tin cậy hoặc tính trọn vẹn của thông tin. người sử dụng tự có trách nhiệm trong việc sử dụng thông tin phù hợp với yêu cầu sử dụng riêng của bản thân.